TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 101/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25- 5- 2018
" Về việc xin ly hôn, nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm
Ông Nguyễn Văn Hành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp " Xin ly hôn và nuôi con " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105A/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Dư Văn L, sinh năm 1969 (Có mặt)
Cư trú: Ấp Gạch Muỗi, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Triệu Kim H, sinh năm 1969 (Vắng mặt)
Cư trú: Ấp Gạch Muỗi, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2017 và các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa anh Dư Văn L (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H kết hôn vào năm 1989 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Thế Trân (cũ), nay là UBND xã Thạnh Phú, sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẩn. Đến khoảng giữa năm 2017 thì vợ tôi bỏ gia đình, tôi có liên lạc bằng điện thoại nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tôi xét thấy giữa chúng tôi không còn tình cảm vợ chồng nên không thể kéo dài thêm đời sống vợ chồng. Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C cho tôi được ly hôn với chị Triệu Kim H.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Dư Triệu Th, sinh năm 1991 và Dư Triệu Ng, sinh năm 2001. Hiện nay Dư Triệu Th đã có gia đình, còn Dư Triệu Ng đang sống với tôi và yêu cầu được nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản nên không yêu cầu.

Về nợ: Chúng tôi không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Triệu Kim H, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho chị H biết về việc anh L yêu cầu xin ly hôn; yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nhưng chị H không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập chị H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng chị H vẫn vắng mặt nên không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với chị H và anh L được. Tòa án triệu tập chị H tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Anh L và chị H kết hôn ngày 20/9/1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Thế Trân (củ), nay là Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện C. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị K và anh Đ được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, tại phiên tòa anh L trình bày giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, mâu thuẫn đã trầm trọng không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn. Phía chị H không có ý kiến gì về việc anh L yêu cầu ly hôn và cũng không yêu cầu đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, anh L và chị H có nhiều mâu thuẫn nhưng giữa vợ chồng vẫn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L được ly hôn với chị H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Anh L và chị Hoa có 02 con chung tên Dư Triệu Th, sinh năm 1991 và Dư Triệu Ng, sinh năm 2001. Hiện nay Dư Triệu Th đã trưởng thành và đã có gia đình, còn Dư Triệu Ng đang sống với anh L. Sau khi ly hôn, anh L yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Ng, phía chị H không có ý kiến gì về việc anh L yêu cầu nuôi con và chị H cũng không yêu cầu nuôi cháu Ng. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Ng đang sống với anh L đã ổn định và anh L có đầy đủ điều kiện nuôi dạy tốt. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Ng cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

[3] *Về tài sản chung*: Anh L trình bày anh và chị H không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, phía chị Hoa không có ý kiến yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về nợ chung*: Anh L xác định anh và chị H không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh L phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Dư Văn L được ly hôn với chị Triệu Kim H.

Về con chung: Giao cháu Dư Triệu Ng, sinh năm 2001 cho anh Dư Văn L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị Triệu Kim H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Triệu Kim H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Dư Văn L phải chịu số tiền là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền anh L dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003929 ngày 02.11.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị K đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *UBND xã Phú Hưng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS- VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính